



**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số 4834/STC-NS, ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>5.003.000</b>	<b>4.473.547</b>	<b>89,42</b>	<b>120,20</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>5.003.000</b>	<b>4.473.547</b>	<b>89,42</b>	<b>120,96</b>
1	Thu nội địa	4.968.000	4.361.483	87,79	117,93
2	Thu từ dầu thô	0	0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	35.000	112.064	320,18	477,86
4	Thu viện trợ	0	0		
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>15.315.045</b>	<b>11.666.856</b>	<b>76,18</b>	<b>111,74</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>12.199.905</b>	<b>11.666.856</b>	<b>95,63</b>	<b>111,74</b>
1	Chi đầu tư phát triển	3.074.475	5.714.142	185,86	107,36
2	Chi thường xuyên	8.865.022	5.943.737	67,05	116,13
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	15.100	5.977		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	3.000	300,00	
5	Dự phòng ngân sách	244.308	0	0,00	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>3.115.140</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>				
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>				

Ghi chú: Chi thường xuyên và chi đầu tư bao gồm chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương; Dự phòng ngân sách địa phương./.



**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số 4834/STC-NS, ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>5.003.000</b>	<b>4.473.547</b>	<b>89,42</b>	<b>120,20</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>4.968.000</b>	<b>4.361.483</b>	<b>87,79</b>	<b>117,93</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	155.000	122.665	79,14	110,83
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	45.000	33.686	74,86	54,44
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.372.500	1.188.266	86,58	116,07
4	Thuế thu nhập cá nhân	460.000	416.846	90,62	114,91
5	Thuế bảo vệ môi trường	225.000	149.034	66,24	110,98
6	Lệ phí trước bạ	190.000	139.121	73,22	113,63
7	Thu phí, lệ phí	70.000	64.871	92,67	113,55
8	Các khoản thu về nhà, đất	434.500	241.563	55,60	112,66
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	4.500			
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		4.579		110,74
-	Thu tiền sử dụng đất	400.000	201.291	50,32	111,81
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	30.000	35.693	118,98	117,95
-	Tiền cho thuê nhà và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.000	42.892	2.144,60	3.527,30
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	3.000	3.920	130,67	84,32
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.850.000	1.833.197	99,09	127,02
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.000		0,00	
13	Thu khác ngân sách	160.000	125.421	78,39	77,51
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>				
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>35.000</b>	<b>112.064</b>	<b>320,18</b>	<b>477,86</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu		70.213		
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu		41.625		
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				
6	Thu khác		226		
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>4.764.220</b>	<b>4.361.483</b>	<b>91,55</b>	<b>132,67</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	2.614.220	1.570.484	60,07	113,95
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2.150.000	2.790.999	129,81	120,30

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số 4834/STC-NS, ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>15.315.045</b>	<b>11.666.856</b>	<b>76,18</b>	<b>111,74</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>12.199.905</b>	<b>11.666.856</b>	<b>95,63</b>	<b>111,74</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.074.475</b>	<b>5.714.142</b>	<b>185,86</b>	<b>107,36</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.074.475	5.587.900	181,75	104,99
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác		126.242		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>8.865.022</b>	<b>5.943.737</b>	<b>67,05</b>	<b>116,13</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.863.925	2.728.497	70,61	122,41
2	Chi khoa học và công nghệ	42.902	13.355	31,13	125,20
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.126.065	961.508	85,39	159,04
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	42.968	36.942	85,98	135,28
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	28.307	7.724	27,29	52,65
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	24.896	13.517	54,29	93,07
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	162.561	62.115	38,21	88,61
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.054.334	298.089	28,27	63,35
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.564.195	119.142	7,62	11,39
10	Chi bảo đảm xã hội	510.489	326.343	63,93	96,72
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>15.100</b>	<b>5.977</b>	<b>39,58</b>	<b>47,35</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>3.000</b>	<b>300,00</b>	<b>300,00</b>
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>244.308</b>		<b>0,00</b>	<b>0,00</b>
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>3.115.140</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	639.165		0,00	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	2.400.000		0,00	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường	75.975		0,00	

Ghi chú: Chi thường xuyên và chi đầu tư bao gồm chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương; Dự phòng ngân sách địa phương./.